

Tổng hợp các hàm cơ bản trong Excel

Nguồn : Đoàn Thị Bích Tuyền

Bài viết được thực hiện trên phần mềm Excel 2013

A/ Hàm Tính toán/Logic

1. Hàm SUM

Hàm SUM dùng để tính tổng tất cả các dữ liệu dạng số trên Miền được chọn.

Cú pháp: **=SUM(Miền)**

Đối số của hàm là một Miền các giá trị số.

Ví dụ: Tính tổng các dãy số từ E1 đến E4?

Cách 1: Trong ô E5 gõ **=SUM(E1:E34)** cho ra kết quả làm 185.

C	D	E	F
	Ăn	45	
	Uống	15	
	Nghỉ	25	
	Ngủ	100	
	Tổng	185	

Cách 2: Khi E5 chưa có gì, ta quét từ E1 đến E5 > Nháy thẻ Home > Nháy dấu sigma Σ cũng thu được kết quả làm 185.

2. Hàm MIN

Hàm MIN dùng để tìm giá trị nhỏ nhất trên một Miền dữ liệu số.

Cú pháp: **=MIN(Miền)**

Với: **Miền** các giá trị cần so sánh. Kết quả trả về giá trị nhỏ nhất trong miền dữ liệu

Ví dụ: **=MIN(A2:C5)** và nhận được kết quả **25** là giá trị nhỏ nhất cần tìm.

	A	B	C	D	E
1					
2	46	54	45		
3	34	76	43		
4	25	43	33		
5	67	89	55		
6					
7	giá trị nhỏ nhất:	25			
8					

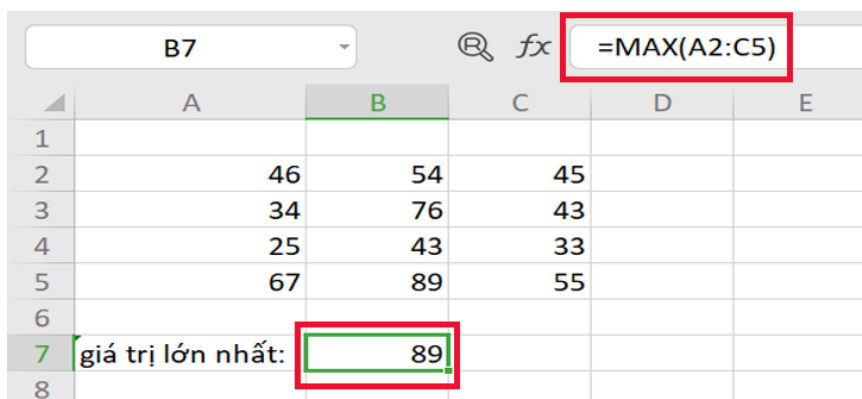
3. Hàm MAX

Hàm MAX dùng để tìm giá trị lớn nhất trên một Miền dữ liệu số.

Cú pháp: **=MAX(Miền)**

Với: **Miền** chứa các giá trị cần so sánh. Kết quả trả về giá trị lớn nhất trong Miền.

Ví dụ: Tìm giá trị lớn nhất trong miền dữ liệu **A2:C5** của ví dụ này, ta có công thức **=MAX(A2:C5)** kết quả đạt được là **89** là giá trị lớn nhất cần tìm.



	A	B	C	D	E
1					
2	46	54	45		
3	34	76	43		
4	25	43	33		
5	67	89	55		
6					
7	giá trị lớn nhất:	89			
8					

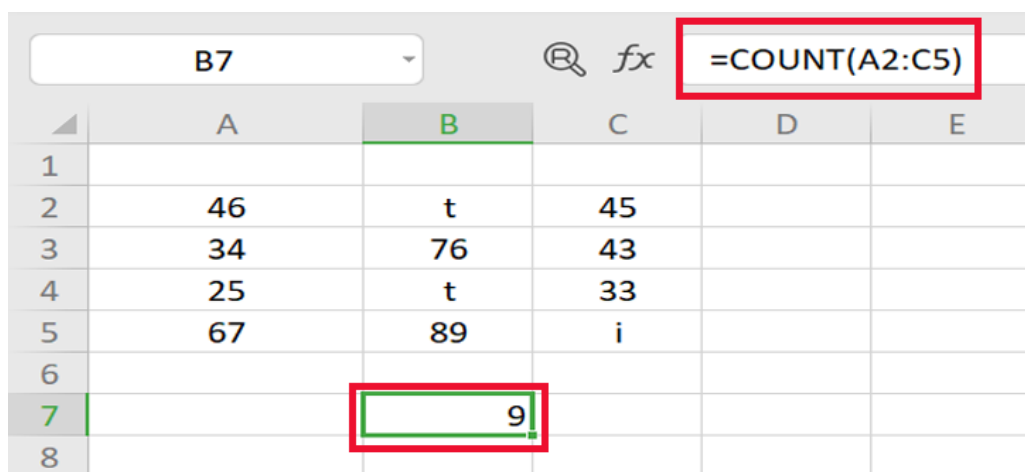
4. Hàm COUNT

Hàm COUNT dùng để đếm số lượng các ô dạng số trong miền dữ liệu bít chung.

Cú pháp: **=COUNT(Miền)**

Với **Miền** là phạm vi muốn đếm số các ô dữ liệu số.

Ví dụ: Tìm số lượng các giá trị số trên miền **A2:C5**, ta có công thức là **=COUNT(A2:C5)**. Kết quả 9 đạt được là tổng số lượng ô có chứa số.



	A	B	C	D	E
1					
2	46	t	45		
3	34	76	43		
4	25	t	33		
5	67	89	i		
6					
7		9			
8					

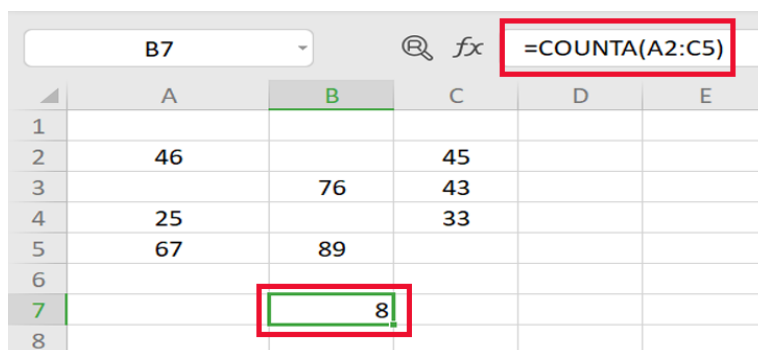
5. Hàm COUNTA

Hàm COUNTA dùng để đếm các ô khác trống trong một miền dữ liệu nhất định.

Cú pháp: **=COUNTA(Miền)**

Với: **Miền** là vùng cần đếm các ô khác trống. Số ô tối đa có thể đếm là 255 (với Excel từ 2007 về sau) và tối đa 30 (với Excel từ 2003 về trước)

Ví dụ: **=COUNTA(A2:C5)** cho kết quả là số lượng ô khác trống.



The screenshot shows an Excel spreadsheet with the following data:

	A	B	C	D	E
1					
2	46		45		
3		76	43		
4	25		33		
5	67	89			
6					
7		8			
8					

The formula bar shows the formula **=COUNTA(A2:C5)** and the result **8** is displayed in cell B7.

6. Hàm COUNTBLANK

Hàm COUNTBLANK dùng để đếm số lượng các ô trống trên miền dữ liệu.

Cú pháp: **=COUNTBLANK(Miền)**

Với: **Miền** là Vùng muốn đếm số ô trống

7. Hàm ODD

Hàm ODD là hàm trả về số được làm tròn lên số nguyên lẻ gần nhất.

Cú pháp: **=ODD(Number)**

Với **Number** là một dữ liệu số thực số. Bắt buộc phải có, là giá trị cần làm tròn

Ví dụ: Làm tròn số **4.6** đến số nguyên lẻ gần nhất nhận được kết quả là **5**.

8. Hàm EVEN

Hàm EVEN là hàm trả về số được làm tròn lên số nguyên chẵn gần nhất.

Cú pháp: **=EVEN(Number)**

Với: **Number** là một dữ liệu số thực: Bắt buộc phải có, là giá trị cần làm tròn

Ví dụ: Làm tròn **53.4** đến số nguyên chẵn gần nhất nhận được kết quả là **54**.

9. Hàm AVERAGE

Hàm AVERAGE dùng để tính trung bình cộng của một miền dữ liệu dạng số

Cú pháp: **=AVERAGE(Miền)**

Với: **Miền** phải gồm các ô dữ liệu số là nơi cần tính Trung bình cộng

Ví dụ: Tính lương trung bình theo thông tin bên dưới, ta có công thức **=AVERAGE(C3:C8)** cho kết quả là giá trị trung bình của 6 tháng lương.

	A	B	C	D	E	F	G	H
1								
2		THÁNG	LƯƠNG					
3		1	7,591,000					
4		2	6,970,000					
5		3	7,189,000					
6		4	7,295,000					
7		5	6,795,000					
8		6	7,380,000					
9		LƯƠNG TB	7,203,333					
10								
11								

10. Hàm LOG

Hàm LOG để tính logarit cơ số 10

Cú pháp: **=LOG(Number)**

Với **Number** là dữ liệu dạng số dương.

Ví dụ: Cột kết quả là log của Số liệu 1 tương ứng

STT	Số liệu 1	Mô tả	Kết quả
1	100		2
2	10		1
3	-5		#NUM!

11. Hàm POWER

Hàm POWER để tính lũy thừa hay mũ theo cơ số và số mũ được chỉ ra

Cú pháp: **=POWER(Number1;Number2)**

Với **Number1** là cơ số, **Number2** là số mũ

Ví dụ:

	A	B	C
1			
2	Number	Power	Result
3	4	7	16384
4	5	10	9765625
5	3	6	729
6	4	9	262144

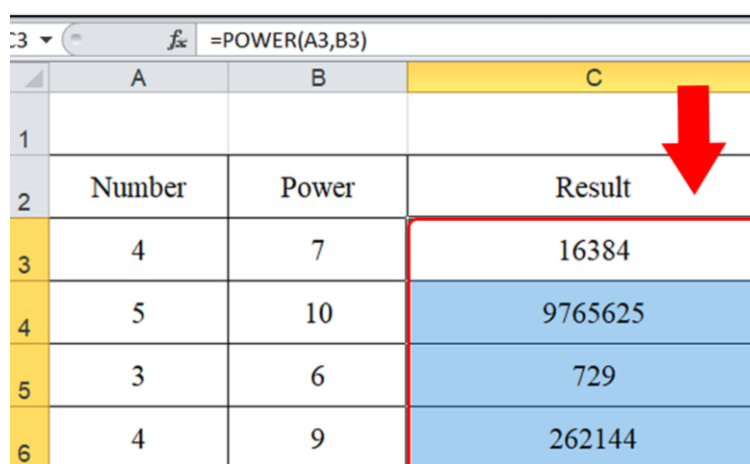
12. Hàm SQRT

Hàm SQRT để tính căn bậc hai của các số không âm

Cú pháp: **=SQRT(Number)**

Với **Number** là dữ liệu số không âm

Ví dụ:



	A	B	C
1			
2	Number	Power	Result
3	4	7	16384
4	5	10	9765625
5	3	6	729
6	4	9	262144

13. Hàm ABS

Hàm ABS để tính giá trị tuyệt đối của dữ liệu dạng số

Cú pháp: **=ABS(Number)**

Với **Number** là một dữ liệu số, kết quả trả lại là trị tuyệt đối của **Number**

B/ Hàm sử dụng điều kiện IF

1. Hàm IF

Hàm IF được dùng để kiểm tra dữ liệu có thỏa điều kiện người dùng đặt ra: Nếu đúng thì kết quả 1, trái lại lấy kết quả 2.

Cú pháp: **=IF(Điều kiện; Kết quả1; Kết quả2)**

Sau dấu ; thứ nhất ta đọc là thì lấy **Kết quả1**. Sau dấu ; thứ hai ta lấy **Kết quả2**.

Lưu ý: Nếu bỏ trống **Kết quả1** và **Kết quả2** thì nếu **Điều kiện** thỏa mãn thì **Kết quả1** được trả về 0 và **Kết quả2** trả về sẽ là FALSE.

Ví dụ: Xét học sinh có qua môn với điều kiện:

Điểm số từ 7 trở lên: Đạt; yếm lại thấp hơn 7: Không Đạt

Tại ô D2, ta gõ công thức: **=IF(C2>=7,"Đạt","Không Đạt")**, và được kết quả

	A	B	C	D	E	F	G
1	STT	Tên	Điểm số	Tình trạng			
2		1 An	8	Đạt			
3		2 Bình	6	Không Đạt			
4		3 Chi	7	Đạt			
5		4 Dương	5	Không Đạt			
6		5 Đức	4	Không Đạt			
7		6 Phong	7	Đạt			
8		7 Huy	10	Đạt			
9		8 Linh	9	Đạt			

2. Hàm COUNTIF

Hàm **COUNTIF** dùng để Duyệt các giá trị ở một **Miền xét**, nếu giá trị nào thỏa mãn **Điều kiện** thì sẽ được đếm

Cú pháp: **=COUNTIF(Miền dữ liệu,Điều kiện)**

Ví dụ: Đếm số người xếp hạng "TB" trong cột Xếp hạng công thức cần gõ trong ô J9 là **=Countif(J3:J8;"TB")**

	A	B	H	I	J	K
1	BẢNG ĐIỂM					
2	STT	Họ và tên	Cả năm	Xếp thứ	Xếp hạng	Thưởng
3	1	Lý Quỳnh Anh	8,61	1	Giỏi	500.000
4	2	Nguyễn Quỳnh Anh	6,56	2	TB	250.000
5	3	Vũ Huyền Anh	4,44	6	Kém	-
6	4	Vũ Trâm Anh	6,06	3	TB	250.000
7	5	Trần Quang Bách	5,67	5	TB	250.000
8	11	Trương Thị Giang	5,83	4	TB	250.000
9		Số người xếp hạng "Kém"			4	

Chú ý: **Điều kiện** có thể là một quan hệ như đẳng thức, bất đẳng thức, ... liên quan đến miền tham chiếu. ...

Ví dụ: Có bảng thống kê các mặt hàng và số lượng tồn như hình dưới.

Để thống kê xem có bao nhiêu mặt hàng còn tồn trên 150 sản phẩm:

=COUNTIF(C2:C11,">150")

Kết quả trả về cho thấy có tổng cộng **8 mặt hàng** còn tồn **trên 150 sản phẩm**.

STT	Mặt hàng	Số lượng tồn (sản phẩm)	Kho
1	Laptop	500	4
2	Điện thoại	650	3
3	Tivi	258	1
4	Tủ lạnh	264	3
5	Máy sấy	890	1
6	Máy giặt	210	2
7	Loa kéo	265	3
8	Máy lạnh	120	1
9	Máy lọc nước	157	2
10	Máy lọc không khí	90	1

3. Hàm SUMIF

Hàm SUMIF dùng để tính tổng các ô đặc biệt : Duyệt các giá trị ở một **Miền xét**, nếu giá trị nào thỏa mãn **Điều kiện** thì sẽ được tính tổng trên các số tương ứng ở một **Miền số** đã chỉ ra.

Cú pháp: **=SUMIF(Miền1, ĐiềuKiện, Miền2)**

Với **Miền1** là miền xét **Điều kiện**, **Miền2** là miền dữ liệu dạng số để tính tổng.

Ví dụ:

Giả sử có một sheet mà một phần gồm cột I và J như sau:

	A	I	J
1	BẢNG ĐIỂM NĂM 2020		
2	STT	Xếp loại	Thưởng
3	1	Giỏi	500000
4	2	TB	250000
5	3	Kém	0
6	4	TB	250000
7	5	TB	250000

Và cần tính tổng tiền thưởng của những người xếp loại TB, sẽ đặt kết quả vào một ô nào đó thì trong ô đó ta gõ hàm **=SUMIF(I3:I7;"TB";J3:J7)**

4. Hàm AVERAGEIF

Hàm AVERAGEIF dùng để tính trung bình cộng các ô đặc biệt : Duyệt các giá trị ở một **Miền1**, nếu giá trị nào thỏa mãn **Điều kiện** thì sẽ được tính trung bình cộng trên các số tương ứng ở một **Miền2** đã chỉ ra.

Cú pháp: **=AVERAGEIF(Miền1,ĐiềuKiện,Miền2)**

Ví dụ: Giả sử có một sheet mà một phần gồm cột I và J như sau:

	A	I	J
1	BẢNG ĐIỂM NĂM 2020		
2	STT	Xếp loại	Thưởng
3	1	Giỏi	500000
4	2	TB	250000
5	3	Kém	0
6	4	TB	250000
7	5	TB	250000

Và cần tính trung bình cộng tiền thưởng của những người xếp loại TB, sẽ đặt kết quả vào một ô nào đó thì trong ô đó ta gõ hàm **=AVERAGEIF(I3:I7;"TB";J3:J7)**

C/ Hàm sử dụng trong văn bản

1. Hàm LEFT

Hàm LEFT dùng để cắt chuỗi ký tự bên trái chuỗi văn bản một số lượng ký tự mà người dùng chọn.

Cú pháp: **=LEFT(text,num_chars)**

Trích ra **Num_chars** từ bên trái chuỗi ký tự **Text**

Ví dụ: Trong bảng dưới đây, dùng hàm LEFT để tìm 3 ký tự đầu tiên tại ô B2. Nhập công thức **=LEFT(B3,3)**, nhấn **Enter** và được kết quả như hình.

	A	B	C	D	E
1					
2	STT	Họ và tên			
3	1	Phạm Văn Khoa		Phạ	
4	2	Hà Tuấn Trung			
5	3	Lê Huy Nam			
6					

2. Hàm RIGHT

Hàm RIGHT dùng để tách chuỗi ký tự từ bên phải chuỗi ký tự, một số lượng ký tự mà người dùng chọn.

Cú pháp: **=RIGHT(Text,Num_chars)**

Trích ra **Num_chars** từ bên phải chuỗi ký tự **Text**

Ví dụ: Trong bảng dưới đây, dùng hàm RIGHT để tìm 7 ký tự cuối tại ô B2. Nhập công thức **=RIGHT(B3,7)**, nhấn **Enter** và được kết quả như hình.

	A	B	C	D	E
1					
2	STT	Họ và tên			
3	1	Phạm Văn Khoa		ăn Khoa	
4	2	Hà Tuấn Trung			
5	3	Lê Huy Nam			
6					

3. Hàm MID

Hàm MID trả về một số lượng ký tự cụ thể từ một chuỗi ký tự, bắt đầu từ vị trí do bạn chỉ định và lấy ra số lượng ký tự do bạn chỉ định.

Cú pháp: **=MID(Text, Start_num, Num_chars)**

Trích từ chuỗi **Text** kể từ ký tự thứ **Start_num** số lượng ký tự là **Num_chars**.

Ví dụ: Trong bảng dưới đây, dùng hàm MID để tìm 7 ký tự tại ô B2 bắt đầu từ vị trí thứ 3. Nhập công thức **=LEFT(B3,3,7)**, nhấn **Enter** và được kết quả "ạm Văn "

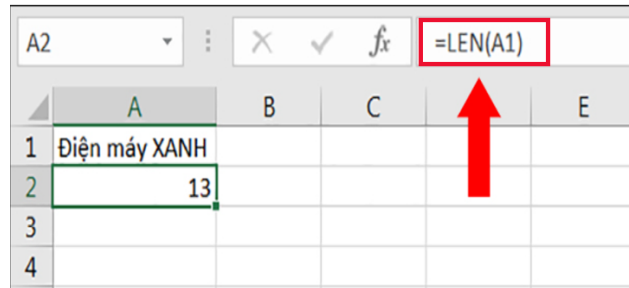
	A	B	C	D	E
1					
2	STT	Họ và tên			
3	1	Phạm Văn Khoa		ạm Văn	
4	2	Hà Tuấn Trung			
5	3	Lê Huy Nam			
6					

4. Hàm LEN

Hàm LEN dùng để đếm ký tự trong một chuỗi hoặc một ô chứa chuỗi ký tự và bao gồm cả khoảng trắng hay còn gọi là đo độ dài chuỗi ký tự,

Cú pháp: **=LEN(Text)**

Ví dụ: Trong ví dụ ta thực hiện đếm ô A1 đang chứa chuỗi ký tự "Điện máy XANH"



5. Hàm CONCATENATE hoặc Toán tử &

Hàm CONCATENATE dùng để nối hai hay nhiều chuỗi văn bản thành một chuỗi văn bản.

Cú pháp: = **CONCATENATE(Text1,Text2,...,TextN)** sẽ ghép các xâu **Text** lại.

Ví dụ: =**CONCATENATE("Điện", " ", "máy", " ", "XANH", " ", "Xin", " ", "Cám", " ", " ", "ơn.")** sẽ trả về "Điện máy XANH Xin Cám ơn."

Chú ý: Ta cũng có thể dùng toán tử & thay cho câu lệnh dài dòng của hàm nêu trên.

Cú pháp: **Text1 &Text2 & TextN**

Ví dụ: ="Điện"&" "&"máy"&" ", "XANH" sẽ trả về "Điện máy XANH".

Chú ý: phải xen kẽ ghép kí tự " " vào nữa nếu không các Text kia sẽ dính vào nhau

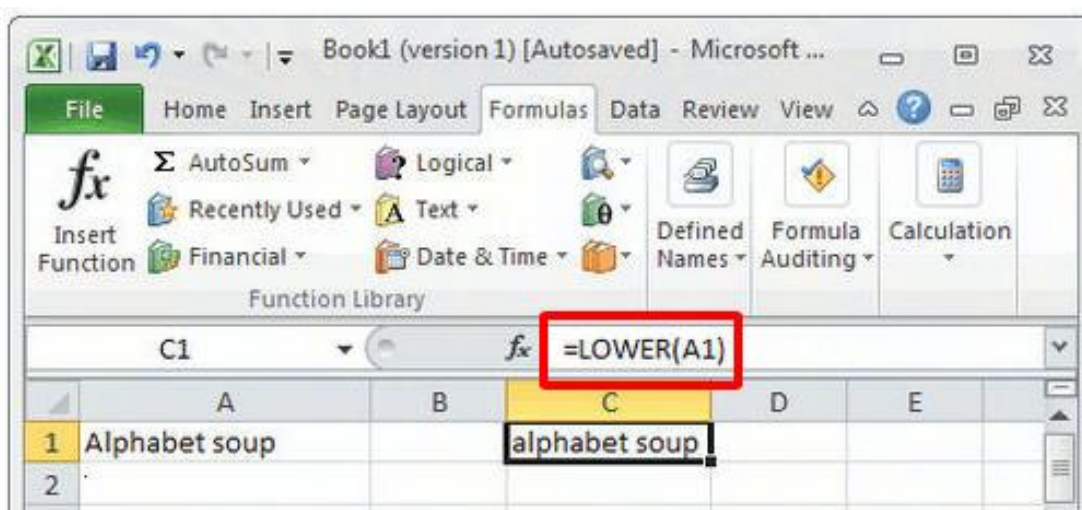
6. Hàm LOWER

Hàm LOWER() chuyển tất cả các ký tự trong chuỗi văn bản (text) thành chữ thường

Cú pháp: =**LOWER(Text)**

Trong đó: **Text** là chuỗi văn bản muốn chuyển đổi thành chữ thường.

Ví dụ: =LOWER(E. E. Cummings) = e. e. cummings



7. Hàm PROPER

Hàm PROPER là hàm giúp viết hoa chữ thứ nhất trong một chuỗi văn bản nếu trước nó là một khoảng trắng và chuyển đổi tất cả các chữ khác thành chữ thường.

Cú pháp: **=PROPER(Text)**

Trong đó: **Text** là dữ liệu văn bản muốn chuyển đổi.

Ví dụ 1: Hãy sử dụng hàm PROPER để chuyển đổi chữ trong bảng dữ liệu sau:

3	STT	Tên ban đầu	KQ: Tên chỉnh sửa bằng hàm PROPER
4	1	nguyễn thị mộng mơ	Nguyễn Thị Mộng Mơ
5	2	trần ngọc dưỡng	Trần Ngọc Dưỡng
6	3	Cao bá hung	Cao Bá Hung
7			

8. Hàm TRIM

Hàm TRIM loại bỏ tất cả khoảng trống ra khỏi văn bản, chỉ để lại một khoảng trống giữa các từ. Dùng hàm TRIM cho văn bản bạn đã nhận từ một ứng dụng khác mà trong đó có thể chứa những khoảng trống dư thừa.

Cú pháp: **=TRIM(Text)**

Với **Text** là xâu kí tự có thể có nhiều dấu cách

Ví dụ:

	A	B	C
1	String	TRIM	Structure
2	This is a text string	This is a text string	=TRIM(A2)
3			
4			

Chú ý:

Hàm TRIM rất lợi hại để chuẩn hóa các xâu kí tự, nếu không ta có thể nhận kết quả không như mong muốn, nhất là khi ghép các Text... trong việc tách cột Họ và tên thành hai cột riêng biệt hay ghép cột Họ đệm và cột tên lại thành một cột Họ và tên

Ví dụ: Cho một danh sách có cột Họ tên và một vài cột dữ liệu khác.

a/- Hãy tách Họ tên thành hai cột: Cột họ đệm và cột Tên

b/- Sắp xếp danh sách theo thứ tự từ điển của trường tên, những người cùng tên thì lại phải sắp xếp Họ đệm theo thứ tự từ điển!

c/- Ghép cột Họ đệm và cột Tên lại thành một cột Họ và Tên

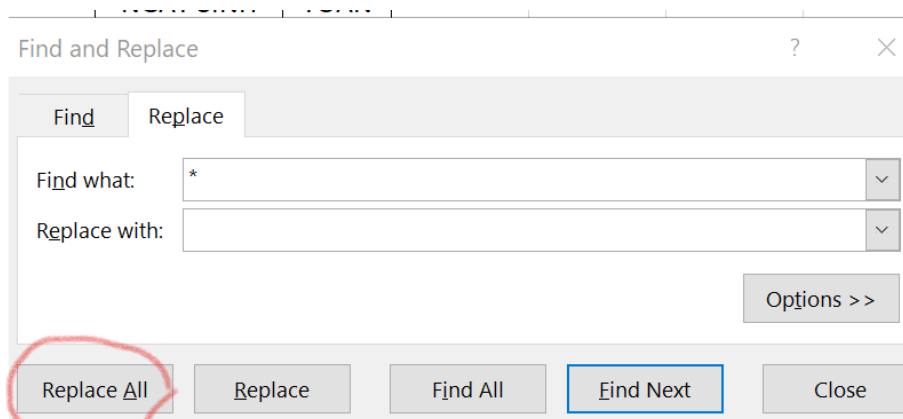
Ví dụ: Làm việc với sheet này:

BANG GHI ĐIỂM KIỂM TRA MÔN HỌC			
STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TOÁN
1	Hoàng Thị Hồng Hà	20/01/1985	3
2	Trần Vũ Bình	10/04/1988	3,5
3	Phạm Ngọc Anh	15/07/1986	10
4	Nguyễn Hồng Ánh	08/02/1985	5
5	Phan Anh	01/05/1986	8
6	Vũ Xuân Chính	12/02/1988	9

Bước 1. Chèn thêm cột C và copy Họ tên sang

A	B	C	D	E
STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	TOÁN
1	Hoàng Thị Hồng Hà	Hoàng Thị Hồng Hà	20/01/1985	3
2	Trần Vũ Bình	Trần Vũ Bình	10/04/1988	3,5
3	Phạm Ngọc Anh	Phạm Ngọc Anh	15/07/1986	10
4	Nguyễn Hồng Ánh	Nguyễn Hồng Ánh	08/02/1985	5
5	Phan Anh	Phan Anh	01/05/1986	8
6	Vũ Xuân Chính	Vũ Xuân Chính	12/02/1988	9

Bước 2. Bôi đen Miền Họ và tên vừa copy sang > Gõ tổ hợp phím Ctrl+H > Gõ dấu sao * và dấu cách "*" > Nháy chuột vào nút Replace All > OK > Đóng hộp thoại. >



Nhận được tên thôi, Họ đệm mất hết:

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	TOÁN
1	Hoàng Thị Hồng Hà	Hà	20/01/1985	3
2	Trần Vũ Bình	Bình	10/04/1988	3,5
3	Phạm Ngọc Anh	Anh	15/07/1986	10
4	Nguyễn Hồng Ánh	Ánh	08/02/1985	5
5	Phan Anh	Anh	01/05/1986	8
6	Vũ Xuân Chính	Chính	12/02/1988	9

Bước 3. Xóa bỏ phần tên trong vùng Họ và tên như sau: Chèn một cột trống trước cột Tên vừa thu được

	A	B	C	D	E	F
1	STT	HỌ VÀ TÊN			NGÀY SINH	TOÁN
2	1	Hoàng Thị Hồng Hà		Hà	20/01/1985	3
3	2	Trần Vũ Bình		Bình	10/04/1988	3,5
4	3	Phạm Ngọc Anh		Anh	15/07/1986	10
5	4	Nguyễn Hồng Ánh		Ánh	08/02/1985	5
6	5	Phan Anh		Anh	01/05/1986	8
7	6	Vũ Xuân Chính		Chính	12/02/1988	9

Bước 3. Tại ô C2 gõ hàm **=LEFT(B2;LEN(B2)-LEN(D2))**, nghĩa là trích từ bên trái của B2 một chuỗi con có độ dài bằng độ dài của chuỗi B2 trừ đi độ dài của chuỗi D2, và Enter, rồi kéo xuống cho hết, ta được:

	A	B	C	D	E	F
1	STT	HỌ VÀ TÊN			NGÀY SINH	TOÁN
2	1	Hoàng Thị Hồng Hà	Hoàng Thị Hồng	Hà	20/01/1985	3
3	2	Trần Vũ Bình	Trần Vũ	Bình	10/04/1988	3,5
4	3	Phạm Ngọc Anh	Phạm Ngọc	Anh	15/07/1986	10
5	4	Nguyễn Hồng Ánh	Nguyễn Hồng	Ánh	08/02/1985	5
6	5	Phan Anh	Phan	Anh	01/05/1986	8
7	6	Vũ Xuân Chính	Vũ Xuân	Chính	12/02/1988	9

Bước 4. Ngay sau đó, để bỏ cột Họ và tên ta cần cố định lại cột Họ đệm, vì nó là kết quả của hàm **LEFT(B2;LEN(B2)-LEN(D2))** còn đang phụ thuộc vào Họ và tên. Cách cố định cột Họ đệm, ta copy khối dữ liệu đó và Paste Special Values vào đúng vị trí của nó! Khi đó dù xóa hay thay đổi Họ và tên, Họ đệm sẽ không thay đổi!

	A	B	C	D	E	F
1	STT	HỌ VÀ TÊN			NGÀY SINH	TOÁN
2	1		Hoàng Thị Hồng	Hà	20/01/1985	3
3	2		Trần Vũ	Bình	10/04/1988	3,5
4	3		Phạm Ngọc	Anh	15/07/1986	10
5	4		Nguyễn Hồng	Ánh	08/02/1985	5
6	5		Phan	Anh	01/05/1986	8
7	6		Vũ Xuân	Chính	12/02/1988	9

Bước 5. Sắp xếp các trường Tên theo thứ tự từ điển và nếu tên trùng nhau thì lại sắp xếp Họ đệm theo thứ tự từ điển

	A	B	C	D	E	F
1	STT	HỌ VÀ TÊN			NGÀY SINH	TOÁN
2	1		Phạm Ngọc	Anh	15/07/1986	10
3	2		Phan	Anh	01/05/1986	8
4	3		Nguyễn Hồng	Ánh	08/02/1985	5
5	4		Trần Vũ	Bình	10/04/1988	3,5
6	5		Vũ Xuân	Chỉnh	12/02/1988	9
7	6		Hoàng Thị Hồng	Hà	20/01/1985	3

Bước 6. Ghép Họ đệm mới với Tên: Tại ô kết quả đầu tiên ta gõ =C2&D2 và Enter, ta được Phạm Ngọc Ánh, rồi kéo xuống ta được các kết quả còn lại. Ta cũng cần cố định lại đám dữ liệu vừa thu được nhờ Copy, Paste Special Values, để rồi sau đó yên tâm xóa cột Họ đệm và cột Tên đi:

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TOÁN
1	Phạm Ngọc Anh	15/07/1986	10
2	Phan Anh	01/05/1986	8
3	Nguyễn Hồng Ánh	08/02/1985	5
4	Trần Vũ Bình	10/04/1988	3,5
5	Vũ Xuân Chỉnh	12/02/1988	9
6	Hoàng Thị Hồng Hà	20/01/1985	3

Chú ý: Sử dụng Tiện ích [Tiếng Việt trong Excel](#) sẽ nhanh hơn nhiều! Tải VnTools về cài đặt là có thể sử dụng ngay!!!

D Hàm Ngày tháng và Thời gian

1. Hàm NOW

Hàm NOW dùng để hiển thị ngày và thời gian hiện tại trên hệ thống của bạn tùy theo sự thiết lập đất nước và định dạng.

Cú pháp: =NOW()

Ví dụ: =NOW() : Trả về ngày và thời gian hiện tại trên hệ thống của bạn.

2. Hàm DATE

Hàm DATE trả về kết quả số cho ngày cụ thể ở định dạng Date

Cú pháp: =DATE(Year,Month,Day)

Với **Year** chỉ năm; **Month** chỉ tháng; **Day**: chỉ ngày.

Ví dụ: =DATE(2015,5,20) trả về kết quả 20/5/2015 hoặc 5/20/2015 tùy theo sự thiết lập đất nước và định dạng.

3. Hàm TODAY

Hàm TODAY trả lại ngày/tháng.năm hiện thời

Cú pháp: **=TODAY()**

4. Hàm DATEVALUE

Hàm DATEVALUE chuyển đổi ngày tháng ở dạng văn bản sang dạng số seri.

Cú pháp: **=DATEVALUE(DateText)**

Ví dụ:

	G	H	I	J	K	L	M	N																																					
20																																													
21	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	số se-ri																																								
22	Trần Hồng	11	4	1990	=DATEVALUE(H22&"/>											---	---	---	---	---	---	---	---	---		23	Lê Thị Mỹ	2	10	1992	DATEVALUE(date_text)					24									

Số seri mình sẽ đổi thành dạng Date cho bình thường

5. Hàm YEAR

Hàm YEAR Trả về năm từ một giá trị thời gian

Cú pháp: **= YEAR(serial_number)**

Với **serial_number** là dạng Ngày Tháng Năm và Thời gian.

Ví dụ: Year(20/11/202) là 2023

6. Hàm MONTH

Hàm MONTH trả về tháng từ một giá trị Ngày Tháng Năm và Thời gian

Cú pháp: **= MONTH(serial_number)**

Ví dụ: Year(20/11/202) là 11

7. Hàm DAY

Hàm DAY trả về ngày từ một giá trị Ngày Tháng Năm và Thời gian

Cú pháp: **= DAY(serial_number)**

Ví dụ: Year(20/11/202) là 20

8. Hàm HOUR

Hàm HOUR trả về giờ từ một giá trị thời gian

Cú pháp: = HOUR(serial_number)

9. Hàm MINUTE

Hàm MINUTE trả về phút từ một giá trị thời gian

Cú pháp: = MINUTE(serial_number)

10. Hàm SECOND

Hàm SECOND trả về giây từ một giá trị thời gian

Cú pháp: = SECOND(serial_number)

11. Hàm DAYS360

Hàm DAYS360 trả về số ngày giữa hai ngày, dựa trên một năm có 360 ngày.

12. Hàm WEEKDAY

Hàm WEEKDAY trả về Thứ trong tuần: bình thường 0 là Chủ nhật, 1 là Thứ Hai, ..., 6 là Thứ Bảy.

Cú pháp: =WEEKDAY(Serial_number;[return_type])

Với **Serial_number** là Ngày Tháng Năm và Thời gian,

Return_type=1 (hoặc để trống): Thiết lập giá trị 1 là ngày chủ nhật,... lần lượt theo đó thứ 7 sẽ có giá trị là 7. Giống cách gọi thông thường ở Việt Nam.

Return_type=2: Thiết lập giá trị 1 là thứ 2,... lần lượt theo đó ngày chủ nhật sẽ có giá trị là 7. Giống cách gọi thông thường ở nhiều nước phương Tây.

Ví dụ 1:

	A	B	C	D
1		Ngày bán	Thứ	
2		23/06/2022	5	
3		13/04/2019	7	
4		20/10/2015	3	
5		02/07/2021	6	

Ví dụ 2. Muốn viết mã thứ thành chữ Việt:

D6				<code>=IF(WEEKDAY(B6)=1;"Chủ nhật";"Thứ "&WEEKDAY(B6))</code>		
	A	B	C	D	E	F
1		Ngày bán	Thứ	Thứ bằng chữ		
2		23/06/2022	5	Thứ 5		
3		13/04/2019	7	Thứ 7		
4		20/10/2015	3	Thứ 3		
5		02/07/2021	6	Thứ 6		
6		09/02/2020	1	Chủ nhật		
7						

5/ Hàm tra cứu dữ liệu

1. Hàm VLOOKUP

Hàm VLOOKUP là hàm được sử dụng khi cần dò tìm dữ liệu trong một bảng, một phạm vi theo hàng dọc và trả về dữ liệu tương ứng theo hàng ngang.

Cú pháp: **=VLOOKUP(Giá trị dò, Bảng dò, Cột lấy kết quả, Cách dò)**

Với: **Giá trị dò** là Giá trị đem tra cứu xem kết quả là bao nhiêu. **Bảng dò** là bảng các kết quả, phải cố định. **Cột lấy kết quả** lấy kết quả tương ứng với **Giá trị dò**.

Cách dò là 0 hoặc 1 như sau

- Nếu là **1** (TRUE): dò tương đối, bảng dò phải được sắp xếp.
- Nếu là **0** (FALSE): dò chính xác, có trong Bảng dò mới tính, còn lại thì #N/A.

Ví dụ: Tính lương cho công nhân theo bảng lương dọc viên. Tại ô E8, bạn điền công thức: **=D8*VLOOKUP(C8;\$A\$2:\$C\$4;3;1)** (Đây là cách dò 1)

Cách dò là 1: (Xem bảng nền vàng)

Các loại lao động được sắp **B, C, D**.

Lao động loại **A** không có trong **Bảng dò**, nhưng lao động giỏi quá nên ban lãnh đạo xét riêng, đặc cách gì đó,

Lao động loại **E** cũng không có trong **Bảng dò** nhưng do kém quá nên nhân đạo cho anh ấy lấy kết quả bằng loại D cuối bảng để có tiền sinh sống và phấn đấu!

Cách dò là 0: (Xem bảng nền xanh)

Bảng dò không cần được sắp!

Lao động loại **A** và **E** không có trong bảng nên kết quả là #N/A.

E8 $=D8*VLOOKUP(C8;\$A\$2:\$C\$4;3;1)$

	A	B	C	D	E	F	L	M	N	O	P
1	Bảng lương dọc										
2	B	Giỏi	200.000								
3	C	Trung bình	100.000								
4	D	Yếu kém	50.000								
5											
6		Cách dò 1 (có nhân đạo)						Cách dò 0 (Chính xác)			
7	STT	Tên	Loại	NC	Tiền		STT	Tên	Loại	NC	Tiền
8	1	Tuấn	A	28	#N/A		1	Tuấn	A	28	#N/A
9	2	Thanh	B	27	5400000		2	Thanh	B	27	5400000
10	3	Anh	C	25	2500000		3	Anh	C	25	2500000
11	4	Hùng	E	17	850000		4	Hùng	E	17	#N/A

2. Hàm HLOOKUP

Hàm **HLOOKUP** là hàm tìm kiếm một giá trị trên dòng đầu tiên của bảng tham chiếu và cho kết quả tương ứng trong dòng chỉ định.

Cú pháp: **=HLOOKUP(Giá trị dò, Bảng dò, Hàng lấy kết quả, Cách dò)**

Với: **Giá trị dò** là Giá trị đem tra cứu xem kết quả là bao nhiêu. **Bảng dò** là bảng các kết quả, phải cố định. **Hàng lấy kết quả** lấy kết quả tương ứng với **Giá trị dò**.

Cách dò là 0 hoặc 1 như sau

- Nếu là **1 (TRUE)**: dò tương đối, bảng dò phải được sắp xếp.
- Nếu là **0 (FALSE)**: dò chính xác, có trong Bảng dò mới tính, còn lại thì #N/A.

Ví dụ: Tính lương cho công nhân theo bảng lương dọc viên. Tại ô E8, bạn điền công thức: **=I8*HLOOKUP(H8;\$G\$2:\$I\$4;3;1)** (Đây là cách dò 1)

Cách dò là 1: (Xem bảng nền vàng), Các loại lao động được sắp **B, C, D**.

Lao động loại **A** không có trong **Bảng dò**, nhưng lao động giỏi quá nên ban lãnh đạo xét riêng, đặc cách gì đó,

Lao động loại **E** cũng không có trong **Bảng dò** nhưng do kém quá nên nhân đạo cho anh ấy lấy kết quả bằng loại D cuối bảng để có tiền sinh sống và phần đầu!

Cách dò là 0: (Xem bảng nền xanh), Bảng dò không cần được sắp!

Lao động loại **A** và **E** không có trong bảng nên kết quả là #N/A.

J8 $=I8*HLOOKUP(H8;$G$2:$I$4;3;1)$

	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
1	Bảng lương ngang									
2	B	C	D							
3	Giỏi	Trung bình	Yếu kém							
4	200.000	100.000	50.000							
5										
6		Cách dò 1					Cách dò 0 (Chính xác)			
7	Tên	Loại	NC	Tiền		STT	Tên	Loại	NC	Tiền
8	Tuấn	A	28	#N/A		1	Tuấn	A	28	#N/A
9	Thanh	B	27	5400000		2	Thanh	B	27	5400000
10	Anh	C	25	2500000		3	Anh	C	25	2500000
11	Hùng	E	17	850000		4	Hùng	E	17	#N/A

3. Hàm INDEX

Hàm INDEX là hàm cho kết quả trả về là một giá trị hoặc tham chiếu tới một giá trị trong bảng hoặc một phạm vi nhất định.

Cú pháp: **=INDEX(array, row_num, column_num)**

Với: **array**: Phạm vi ô hoặc một mảng số mảng. Nếu mảng chỉ chứa một hàng hoặc cột thì **row_num** hoặc **column_num** tương ứng là tùy chọn. Nếu **mảng có nhiều hàng** và nhiều cột mà bạn chỉ khai báo 1 trong 2 đối số **row_num** hoặc

column_num, hàm sẽ trả về một mảng của toàn bộ hàng hoặc cột trong mảng. **row_num**: Thứ tự của hàng trong mảng chứa giá trị trả về. Đây là đối số bắt buộc phải có, trừ khi bạn khai báo **column_num**. Nếu bỏ qua **row_num**, bạn cần phải khai báo **column_num**.

column_num: Thứ tự của cột trong mảng chứa giá trị trả về. Nếu bỏ qua **column_num**, bạn cần khai báo **row_num**.

Ví dụ: Bây giờ, giả sử bạn cần tìm giá trị của phân tử ở dòng thứ 4, cột thứ 1 trong mảng. Mảng ở đây gồm 10 dòng và 4 cột (có địa chỉ là **B4:E13**).

Bạn nhập công thức: **=INDEX(B4:E13,4,1)**.

Giải thích công thức (theo thứ tự các đối số trong công thức từ trái sang):

B4:E13 là mảng chứa giá trị cần trả về

4 là số thứ tự của hàng trong mảng chứa giá trị cần trả về.

1 là số thứ tự của cột trong mảng chứa giá trị cần trả về.

Sau khi nhập xong, bạn nhấn Enter. Kết quả trả về sẽ như hình dưới.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Mã NV	Đơn vị phụ trách	VD1:
1	Đào Văn Thanh	Trưởng phòng	01DH4	SX-PX1	Hà Huyền Chi
2	Nguyễn Đạt	Phó phòng	02NH2	SX-PX2	
3	Lưu Thủy Vân	Nhân viên	03NH6	QL-PX1	
4	Hà Huyền Chi	Nhân viên	04DH4	QL-PX2	
5	Vũ Thị Thủy	Nhân viên	05NH2	SX-PX3	
6	Trương Thành Long	Nhân viên	06DH2	SX-PX3	
7	Văn Hoài Tâm	Nhân viên	07DH1	SX-PX1	
8	Hoàng Trâm Anh	Nhân viên	08DH7	QL-PX3	
9	Phạm Thị Tú Linh	Nhân viên	09NH5	QL-PX4	
10	Đinh Hoàng Vũ	Nhân viên	10NH3	SX-PX4	

4. Hàm MATCH

Hàm MATCH là hàm tìm kiếm, xác định vị trí tương đối của một giá trị trong một mảng hoặc một ô.

Cú pháp:

=Match(Lookup_value, Lookup_array, Match_type)

Với: **Lookup_value**: Giá trị mà bạn muốn tìm kiếm. **Lookup_array**: Mảng hoặc dải ô bạn muốn xác định vị trí của **Lookup_value**. Miền dữ liệu mà bạn chọn chỉ có thể có duy nhất 1 hàng hoặc 1 cột. **Match_type**: Xác định kiểu khớp là -1; 0 hoặc 1.

Kiểu khớp là 0: Trả về vị trí tương đối của giá trị trong trường hợp miền dữ liệu chưa được sắp xếp.

Kiểu khớp là 1: Trả về vị trí của giá trị lớn nhất nhưng nhỏ hơn hoặc bằng giá trị cần tìm. Giả sử miền dữ liệu được sắp xếp theo thứ tự tăng dần.

Kiểu khớp là -1: Trả về vị trí của giá trị nhỏ nhất nhưng lớn hơn hoặc bằng giá trị cần tìm. Giả sử miền dữ liệu được sắp xếp theo thứ tự giảm dần.

Ví dụ: Dưới đây là hồ sơ thi tuyển của các học sinh và bạn muốn tìm vị trí của học sinh Lâm Thiên Trang. Tại ô G3 ta thực hiện công thức: **=MATCH(G1,A2:A9,0)**

G3		fx		=MATCH(G1,A2:A9,0)			
	A	B	C	D	E	F	G
1	Họ và tên	Điểm thi	Mã dự thi	Nơi ở		Giá trị cần tìm	Lâm Thiên Trang
2	Nguyễn Văn A	10.0	149009	An Giang		Vùng cần tìm	cột Họ bà tên
3	Lê Thành Chí	5.0	122156	Cà Mau		Kết quả	5
4	Lý Mỹ Tiên	8.0	104207	Bạc Liêu			
5	Cao Ngọc Châu	9.0	133723	Cần Thơ			
6	Lâm Thiên Trang	4.0	152280	TP.HCM			
7	Hồ Thị Mỹ Kiều	5.0	182851	Sóc Trăng			
8	Trần Bích Trâm	10.0	168546	Tây Ninh			
9	Huỳnh Bích Trâm	4.0	167135	Ninh Thuận			
10							